

ĐẤT ĐAI, VIỆC LÀM PHI NÔNG NGHIỆP VÀ MỨC SỐNG HỘ GIA ĐÌNH: BẢNG CHỨNG MỚI TỪ DỮ LIỆU KHẢO SÁT VÙNG VEN ĐÔ HÀ NỘI

Trần Quang Tuyền*

Bài viết nghiên cứu mối quan hệ giữa đất đai, việc làm phi nông nghiệp và mức sống hộ gia đình vùng ven đô Hà Nội. Kết quả chỉ ra rằng phần lớn các hộ gia đình trong mẫu khảo sát tham gia vào hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Các nhân tố tác động tới mức sống hộ gia đình được nghiên cứu bằng việc sử dụng mô hình hồi quy đa biến và kết quả đã khẳng định tầm quan trọng của cả đất đai và việc làm phi nông nghiệp trong việc nâng cao mức sống của hộ gia đình. Bên cạnh đó, tác giả phát hiện rằng một vài biến số khác như giáo dục, tiếp cận vốn tín dụng chính thức, đất đai và tài sản sản xuất có tác động tích cực tới mức sống hộ gia đình. Dựa vào kết quả thực nghiệm, bài viết đề xuất một vài hàm ý chính sách có thể giúp nâng cao thu nhập của hộ gia đình trong bối cảnh đất ven đô ngày càng thu hẹp do quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa.

Từ khóa: đất nông nghiệp, tham gia phi nông nghiệp, mức sống hộ gia đình, việc làm công phi chính thức và chính thức.

1. Giới thiệu

Dữ liệu thực tế cho thấy vực kinh tế phi nông nghiệp ngày càng gia tăng tầm quan trọng ở khu vực nông thôn Việt Nam trong thập kỷ qua. Tỷ lệ việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn đã tăng từ 20% năm 2001 lên tới 40% vào năm 2011 và khoảng 37% trong tổng số hộ ở nông thôn có nguồn thu nhập chính từ hoạt động phi nông nghiệp (Tổng cục Thống kê, 2011). Các bằng chứng kinh tế lượng cho thấy rằng việc tham gia vào hoạt động kinh tế phi nông nghiệp là một yếu tố quan trọng giúp giảm nghèo và nâng cao mức sống của các hộ gia đình nông thôn ở Việt Nam (Pham & cộng sự, 2010; Ravallion & Van de Walle, 2008; Van de Walle & Cratty, 2004). Do vậy, khuyến khích sự phát triển các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp và hỗ trợ các hộ nghèo tham gia vào hoạt động kinh tế này được coi là những nhân tố cơ bản đóng góp cho công cuộc xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam (Pham & cộng sự, 2010; Van de Walle & Cratty, 2004).

Quá trình đô thị hóa ở các tỉnh thành phát triển đã dẫn tới quá trình chuyển đổi với quy mô lớn đất nông nghiệp thành đất phi nông nghiệp. Trong thời gian từ năm 2001 tới năm 2010, khoảng một triệu héc ta đất nông nghiệp, tương đương với 10 phần trăm diện tích đất nông nghiệp của cả nước đã được Nhà nước thu hồi cho các mục đích sử dụng phi nông nghiệp (World Bank, 2011). Quá trình này dẫn

tới việc thu hẹp nhanh chóng đất sản xuất nông nghiệp và gây ra những tác động tiêu cực tới việc làm và thu nhập nông nghiệp của hộ gia đình vùng nông thôn và ven đô của Việt Nam (Asian Development Bank, 2007). Trong bối cảnh như vậy, có một số nghiên cứu đã xem xét tác động của việc thu hồi đất nông nghiệp và sự chuyển đổi sinh kế hộ gia đình ở một số vùng ven đô Hà Nội, Thành Phố Hồ Chí Minh và Hưng Yên (Do, 2006; Nguyen & cộng sự, 2013; Vo, 2006). Sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và thông kê mô tả, các nghiên cứu này chỉ ra rằng việc thu hồi đất nông nghiệp làm mất việc làm và thu nhập từ nông nghiệp nhưng lại mở ra những cơ hội việc làm phi nông nghiệp cho các hộ gia đình mất đất và các nghiên cứu này cho rằng việc làm phi nông nghiệp là nguồn sinh kế quan trọng hàng đầu cho các hộ gia đình không có hoặc thiếu đất nông nghiệp ở Việt Nam.

Như đã đề cập ở trên, hiện đã có một số công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước về vai trò đất đai và việc làm phi nông nghiệp trong việc nâng cao mức sống hộ gia đình nông thôn ở Việt Nam. Tuy nhiên, việc tổng quan tài liệu cho thấy có hai vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu. Thứ nhất, trong khi các công trình nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng chỉ tập trung vào nghiên cứu vai trò của khu vực kinh tế phi nông nghiệp với mức sống hộ gia đình ở phạm vi toàn quốc, chưa có

các nghiên cứu định lượng xem xét mối quan hệ này trong bối cảnh ven đô của các thành phố lớn như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Như đã phân tích ở trên, khu vực ven đô ở các thành phố lớn của Việt Nam đang trải qua quá trình chuyển đổi đất nông nghiệp quy mô lớn, diện tích đất canh tác bị thu hẹp nhanh chóng và do đó việc làm phi nông nghiệp sẽ là yếu tố quan trọng hàng đầu giúp các hộ gia đình chuyển đổi sinh kế và nâng cao thu nhập. Thứ hai, trong khi lượng hóa tác động của hoạt động kinh tế phi nông nghiệp với mức sống hộ gia đình, các nghiên cứu nói trên thường tính gộp chung tất cả các loại hình việc làm phi nông nghiệp và cũng không chia tách việc làm công ăn lương thành các loại hình công việc cụ thể. Nguyen (2010) đã chia tách việc làm công ăn lương thành làm công chính thức và phi chính thức và tác giả này chỉ ra rằng hai nguồn thu nhập này hoàn toàn khác nhau về mức thu nhập, trình độ của người lao động và các điều kiện làm việc. Do vậy chúng có thể có những tác động khác nhau tới việc nâng cao mức sống của hộ gia đình.

Bài viết này sử dụng bộ dữ liệu điều tra hoàn toàn mới của tác giả từ cuộc khảo sát hộ gia đình năm 2010 ở khu vực ven đô của Hà Nội. Đây là nghiên cứu đầu tiên lượng hóa tác động của đất nông nghiệp và việc làm phi nông nghiệp đối với mức sống hộ gia đình ven đô Hà Nội. Hơn nữa, đây là nghiên cứu đầu tiên xem xét tác động riêng rẽ của các hoạt động phi nông nghiệp như tự làm, làm công ăn lương chính thức và phi chính thức tới mức sống của hộ gia đình. Do đó, công trình nghiên cứu này có những đóng góp có ý nghĩa quan trọng về mặt khoa học qua việc cung cấp các bằng chứng thực nghiệm đầu tiên về vai trò của đất nông nghiệp và việc làm phi nông nghiệp đối với mức sống hộ gia đình ở khu vực ven đô của Hà Nội. Trên cơ sở nhận biết được vai trò của các nhân tố tác động tới mức sống hộ gia đình ven đô, nghiên cứu này đề xuất một số hàm ý chính sách có thể giúp nâng cao phúc lợi kinh tế của người dân.

2. Mô tả địa bàn nghiên cứu

Địa bàn được nghiên cứu của đề tài là Huyện Hoài Đức, một huyện ven đô của Hà Nội. Hoài Đức nằm ở phía tây bắc của Hà Nội, cách quận trung tâm khoảng 19 km. Hoài Đức nằm ở vị trí địa lý rất thuận lợi, được bao quanh bởi nhiều con đường quan trọng như Đại lộ Thăng Long (con đường dài nhất và hiện đại nhất Việt Nam), Quốc lộ 32, và cận kề các khu công nghiệp, khu đô thị mới và Công viên Thiên đường Bảo Sơn (tổ hợp giải trí và du lịch lớn nhất miền Bắc). Trước ngày 1 tháng 8 năm 2008, Hoài Đức là một huyện của Tỉnh Hà Tây nằm giáp Hà Nội, và được sáp nhập vào Hà Nội từ ngày

1 tháng 8 năm 2008. Hoài Đức có diện tích là 8.247 hecta, trong đó đất nông nghiệp là 4.272 hecta và 91 phần trăm diện tích này được sử dụng bởi các cá nhân và hộ gia đình (Ủy ban Nhân dân Huyện Hoài Đức, 2010). Có 20 đơn vị hành chính thuộc huyện, bao gồm 1 thị trấn và 19 xã. Hoài Đức có tổng số hộ gia đình là 50.400 hộ, với dân số là 193.600 người. Trên toàn bộ huyện, việc làm nông nghiệp đã giảm khoảng 23 phần trăm trong thập kỷ qua. Tuy nhiên, một tỷ lệ đáng kể việc làm vẫn tồn tại trong khu vực nông nghiệp, chiếm khoảng 40 phần trăm tổng việc làm năm 2009. Tỷ lệ việc làm trong công nghiệp và dịch vụ là 33% và 27% (Phòng Thống kê Huyện Hoài Đức, 2010).

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thu thập dữ liệu

Dựa vào bảng hỏi điều tra mức sống hộ gia đình của Tổng cục Thống kê (2006), tác giả đã thiết kế một bảng hỏi hộ gia đình để thu thập dữ liệu định lượng về đặc điểm nhân khẩu của hộ gia đình, sự tham gia các hoạt động kinh tế và chi tiêu của hộ gia đình trong 12 tháng (kể từ thời điểm khảo sát). 6 xã được chọn ngẫu nhiên và sau đó 100 hộ gia đình (bao gồm 20 hộ cho mỗi dự trữ) được chọn ngẫu nhiên từ mỗi xã để tạo thành một mẫu nghiên cứu bao gồm 480 hộ gia đình¹. Công việc thu thập dữ liệu được thực hiện từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2010, và 477 hộ gia đình được phỏng vấn thành công.

3.2. Mô hình phân tích

Thống kê mô tả và phân tích hồi quy sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất được sử dụng chủ yếu trong nghiên cứu này. Dựa vào khung phân tích chính sách vi mô về sinh kế nông thôn của Ellis (2000), mức sống của một hộ gia đình (được đo bằng chi tiêu bình quân đầu người) được giả định sẽ bị quyết định bởi các nhân tố sau: đặc điểm nhân khẩu học của hộ; giáo dục và tài sản; việc tham gia của hộ vào các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp và biến giả xã nơi hộ gia đình cư trú. Định nghĩa, đo lường và thống kê mô tả các biến sử dụng trong mô hình hồi quy được báo cáo ở phụ lục 1. Trước tiên, mô hình 1 được ước tính để đánh giá tác động của quy mô đất canh tác và việc có tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp tới mức sống hộ gia đình. Mô hình 2 xem xét tác động cụ thể của mức độ tham gia vào từng loại hình việc làm phi nông nghiệp tới mức sống hộ gia đình. Trong quá trình ước lượng hai mô hình, vấn đề đa cộng tuyến và phương sai của sai số không đổi không bị vi phạm.

Mô hình 1:

Mức sống hộ gia đình = β_1 đặc điểm nhân khẩu

$học + \beta_2$ giáo dục $+ \beta_3$ đất nông nghiệp $+ \beta_4$ tài sản sản xuất $+ \beta_5$ tiếp cận vốn $+ \beta_6$ biến giá xã $+ \beta_7$ tham gia phi nông nghiệp $+ \varepsilon$

Mô hình 2:

Mức sống hộ gia đình = β_1 đặc điểm nhân khẩu học $+ \beta_2$ giáo dục $+ \beta_3$ đất nông nghiệp $+ \beta_4$ tài sản sản xuất $+ \beta_5$ tiếp cận vốn $+ \beta_6$ biến giá xã $+ \beta_7$ làm công phi chính thức $+ \beta_7$ làm công chính thức $+ \beta_7$ việc làm phi nông nghiệp tự làm $+ \varepsilon$

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Đặc điểm của các hộ gia đình được khảo sát

Dựa vào dữ liệu khảo sát và cách phân loại về hoạt động kinh tế của hộ gia đình từ nghiên cứu trước đây, bài viết đã phân loại bốn nhóm công việc chính mà các hộ gia đình có thể tham gia làm một hay nhiều công việc. Theo Bảng 1, hoạt động phi nông nghiệp được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm việc làm công chính thức, phi chính thức và việc làm tự làm. Theo dữ liệu khảo sát, tỷ lệ các hộ gia đình tham gia vào chỉ một hoạt động kinh tế chiếm khoảng 20% tổng số hộ trong mẫu, trong khi đó số hộ tham gia hai hoạt động chiếm khoảng hai phần ba trong tổng số 477 hộ. Có khoảng 14% số hộ tham gia nhiều hơn hai hoạt động kinh tế và số hộ không tham gia hoạt động nào chiếm tỷ lệ rất nhỏ (1%).

Bảng 2 cung cấp một số thông tin về phân bố thời gian cho các hoạt động kinh tế của các hộ gia đình. Bảng 2 cũng cho thấy đặc điểm về tuổi và giáo dục của các thành viên theo công việc chính đã làm trong 12 tháng. Kết quả từ dữ liệu khảo sát cho thấy rằng tuyệt đa số các hộ gia đình được khảo sát (84%) có tham gia hoạt động nông nghiệp (chăn nuôi và trồng trọt). Đây cũng là hoạt động kinh tế

chiếm nhiều thời gian nhất của các hộ gia đình. Điều này hàm ý rằng nông nghiệp vẫn có tầm quan trọng nhất định cho đảm bảo lương thực và thu nhập cho các hộ gia đình. Các thành viên có công việc chính là nông nghiệp có độ tuổi cao nhất, số năm đi học ít nhất và chiếm tỷ lệ đồng nhất trong tổng số lao động.

Theo số liệu tính toán từ cuộc khảo sát, hầu hết toàn bộ các hộ gia đình (95%) đều tham gia ít nhất một hoạt động kinh tế phi nông nghiệp. Khoảng 40% hộ gia đình báo cáo có tham gia công việc làm thuê phi chính thức. Công việc này bao gồm các hoạt động lao động chân tay như thợ mộc, thợ sơn, thợ xây và nhiều loại lao động tay chân khác nữa. Những công việc này thường được thuê bởi các hộ gia đình và cá nhân với mức thu nhập thấp và không ổn định. Những người làm công này có trình độ giáo dục thấp hơn mức trung bình và trẻ hơn những người làm nông nghiệp và phi nông nghiệp tự làm. Khoảng 41% hộ gia đình trong mẫu khảo sát có tham gia vào hoạt động kinh doanh phi nông nghiệp tự làm. Những hoạt động này bao gồm các đơn vị sản xuất và thương mại quy mô nhỏ, sử dụng lao động gia đình là chính. Cơ sở kinh doanh của các hoạt động này phần lớn đặt tại nhà hay đất riêng của hộ gia đình nơi có vị trí thuận lợi để mở cửa hàng, xưởng hay nhà hàng nhỏ. Khoảng 28% hộ gia đình trong mẫu có tham gia vào công việc làm công chính thức. Người làm công chính thức thường có trình độ cao hơn và trẻ hơn so với lao động phi chính thức, nông dân và lao động phi nông nghiệp tự làm.

Theo dữ liệu điều tra, mức chi tiêu bình quân đầu người hàng tháng là 931.000 đồng, với mức cao

Bảng 1: Các hoạt động kinh tế của hộ gia đình

Loại việc làm	Mô tả
1. Nông nghiệp	Việc tự làm của hộ gia đình trong nông nghiệp, bao gồm chăn nuôi, trồng trọt và các hoạt động liên quan
2. Phi nông nghiệp tự làm	Việc tự làm của các thành viên hộ gia đình và của hộ gia đình trong các hoạt động buôn bán và sản xuất kinh doanh loại trừ sản xuất nông nghiệp
3. Làm công phi chính thức	Việc làm công ăn lương không ổn định, thường không có hợp đồng lao động chính thức. Người làm công phi chính thức thường là lao động chân tay và được thuê bởi người chủ lao động thường là các cá nhân và hộ gia đình khác.
4. Làm công chính thức	Việc làm công ăn lương ổn định trong nhà máy, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và các tổ chức khác với hợp đồng lao động chính thức, đòi hỏi kỹ năng và trình độ giáo dục cao hơn

Nguồn: Tổng hợp từ dữ liệu khảo sát và Nguyen (2010).

Bảng 2: Đặc điểm các cá nhân tham gia các hoạt động kinh tế của hộ gia đình trong 12 tháng

	Toàn bộ	Nông nghiệp	Phi nông nghiệp tự làm	Làm công phi chính thức	Làm công chính thức
Tỷ lệ tham gia (%)	100	84	41	40	28
Tỷ lệ thời gian lao động(%)	100	30	25	27	18
Tuổi	40.06 (16.16)	45.52 (13.17)	39.66 (11.60)	36.98 (13.35)	32.40 (10.10)
Giáo dục (số năm đi học)	8.34 (3.64)	6.73 (2.93)	7.77 (3.14)	7.95 (3.20)	12.61 (2.50)
Tỷ trọng trong tổng số(%)	100	37.72	20.51	24.32	17.45

Lưu ý: độ lệch chuẩn trong ngoặc.

Nguồn: tính toán của tác giả từ dữ liệu khảo sát.

nhất là 1.883.000 đồng và thấp nhất là 392.000 đồng. Mức chi tiêu bình quân đầu người hàng tháng cho lương thực và phi lương thực tương ứng là 478.000 đồng và 453.000 đồng. Phân tích phương sai (ANOVA) được sử dụng để sơ bộ đánh giá mối quan hệ giữa quy mô đất nông nghiệp và mức sống hộ gia đình được đo bằng chi tiêu bình quân đầu người hàng tháng. Kết quả ở Bảng 3 cho thấy sự khác biệt về quy mô sở hữu đất đai giữa các nhóm ngũ phân vị chi tiêu là không có ý nghĩa thống kê. Bảng chứng thực nghiệm tương tự cũng được phát hiện trong kết quả điều tra về hộ gia đình nông thôn Việt Nam được công bố bởi Viện Nghiên cứu và Quản lý Kinh tế Trung ương (2009).

Hình 1 mô tả việc phân bổ thời gian lao động cho các hoạt động kinh tế khác nhau của từng nhóm hộ chia theo ngũ phân vị chi tiêu. Xu hướng ở Hình 1 cho thấy rằng các nhóm nghèo (1 và 2) và trung lưu (3) tham gia nhiều hơn vào hoạt động kinh tế nông nghiệp và làm công phi chính thức. Trong khi đó,

các nhóm giàu hơn (4 và 5) tham gia nhiều hơn vào hoạt động làm công chính thức và phi nông nghiệp tự làm. Các xu hướng trên phản ánh một thực tế là việc tham gia các loại hình hoạt động kinh tế khác nhau có thể có mối quan hệ chặt chẽ với mức sống của các hộ gia đình.

4.2. Những nhân tố tác động mức sống hộ gia đình

Bảng 4 báo cáo kết quả hồi quy từ mô hình 1 và 2. Cả hai mô hình giải thích khoảng 50% sự biến động trong mức sống hộ gia đình. Như được báo cáo trong mô hình 1, hệ số hồi quy của biến có tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp cho thấy rằng: giữ nguyên các nhân tố khác không đổi, tính trung bình thì nếu một hộ gia đình tham gia vào bất kỳ một loại hình phi nông nghiệp nào sẽ có mức chi tiêu bình quân đầu người cao hơn 13 phần trăm so với hộ gia đình thuần nông. Mô hình 2 cho thấy rằng một sự gia tăng 10 điểm phần trăm trong thời gian phân bổ cho việc làm công phi chính thức sẽ dẫn tới sự gia

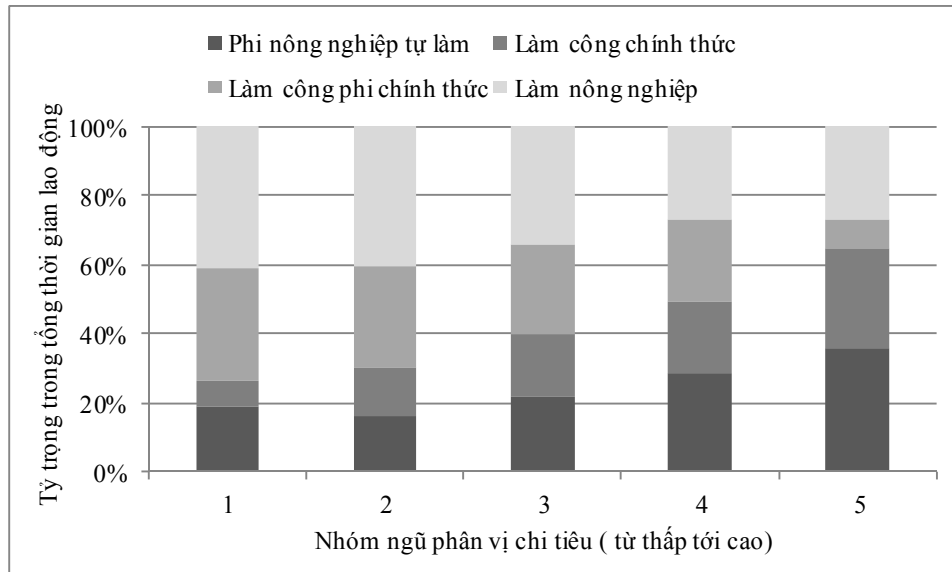
Bảng 3: Quy mô sở hữu đất nông nghiệp và mức sống hộ gia đình

Mức sống hộ gia đình	Quy mô sở hữu đất theo nhóm ngũ phân vị (m ²)					ANOVA Sig
	Nghèo nhất	Nghèo nhì	Trung lưu	Giàu nhì	Giàu nhất	
Nhóm ngũ phân vị theo chi tiêu lương thực	1,126.54 (1,047.74)	1,012.07 (663.67)	1,050.81 (1,083.26)	1,076.65 (877.30)	1,100.00 (1,100.00)	0.22
Nhóm ngũ phân vị theo chi tiêu	927.43 (814.56)	1,029.71 (880.24)	1,171.00 (1,041.02)	1,091.50 (1,006.78)	1,144.73 (1,030.45)	1.00

Lưu ý: Độ lệch chuẩn trong ngoặc.

Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu khảo sát.

Hình 1: Phân bổ thời gian lao động cho các hoạt động theo nhóm ngũ phân vị chi tiêu



Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu khảo sát.

Bảng 4: Nhân tố quyết định mức sống hộ gia đình
(Biến phụ thuộc: logarit chi tiêu bình quân đầu người hàng tháng)

Biến giải thích	Mô hình 1		Mô hình 2	
	Hệ số	SE	Hệ số	SE
Quy mô hộ	-0.066***	(0.007)	-0.060***	(0.008)
Tuổi chủ hộ	0.001	(0.000)	0.001	(0.001)
Giới tính chủ hộ	0.063**	(0.030)	0.070**	(0.026)
Tỷ lệ phụ thuộc	-0.060***	(0.020)	-0.072***	(0.017)
Tuổi bình quân của lao động	0.002**	(0.002)	0.003*	(0.002)
Giáo dục bình quân của lao động	0.034***	(0.005)	0.024***	(0.005)
Diện tích đất/người lớn	0.007**	(0.005)	0.014*	(0.004)
Tài sản sản xuất	0.100***	(0.010)	0.098***	(0.011)
Tín dụng chính thức	0.050**	(0.024)	0.060***	(0.024)
Tín dụng phi chính thức	0.010	(0.026)	0.014	(0.026)
Tham gia phi nông nghiệp	0.130***	(0.047)		
Làm công phi chính thức			0.196***	(0.048)
Làm công chính thức			0.320***	(0.054)
Phi nông nghiệp tự làm			0.265***	(0.045)
Song Phương	0.08***	(0.040)	0.085**	(0.038)
Kim Chung	0.20***	(0.040)	0.187***	(0.037)
An Thượng	0.030	(0.040)	0.022	(0.039)
Đức Thượng	0.030	(0.038)	0.052	(0.037)
Vân Côn	0.090***	(0.037)	0.101***	(0.038)
Constant	5.394***	(0.131)	5.440***	(0.137)
Prob > F	0.0000		0.0000	
Số quan sát	460		460	
R-squared	0.480		0.497	

Lưu ý: SE (Robust Standard errors: sai số chuẩn vững) trong ngoặc

Ý nghĩa thống kê: *** $p < 0.01$, ** $p < 0.05$, * $p < 0.1$

tăng mức chi tiêu là khoảng 2%. Một sự gia tăng tương tự trong thời gian lao động cho việc làm công chính thức và phi nông nghiệp tự làm sẽ làm chi tiêu

gia tăng tương ứng là 3,2% và 2,65%. Các kết quả trên hàm ý rằng có tham gia vào bất kỳ hoạt động phi nông nghiệp nào và mức độ tham gia nhiều hơn

vào các hoạt động phi nông nghiệp đều giúp hộ gia đình nâng cao phúc lợi kinh tế. Trong số các hoạt động này, tham gia nhiều hơn vào việc làm công chính thức dường như có tác động lớn nhất tới nâng cao mức sống hộ gia đình, tiếp đến là hoạt động phi nông nghiệp tự làm và sau cùng là làm công phi chính thức. Nhìn chung, các phát hiện trên cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của Pham & cộng sự (2010) và Van de Walle & Cratty (2004).

Tất cả các hệ số hồi quy khác còn lại trong cả hai mô hình đều có cùng dấu và ý nghĩa thống kê và độ lớn gần giống nhau. Việc có thêm thành viên hộ gia đình và tỷ lệ phụ thuộc cao hơn đều làm giảm mức sống của hộ gia đình. Trình độ giáo dục của các thành viên đang làm việc có tác động tích cực tới mức sống hộ gia đình. Số năm đi học tăng thêm một năm sẽ làm gia tăng mức chi tiêu bình quân đầu người là 2.9% trong mô hình 1 và 2.4% trong mô hình 2. Có thêm đất canh tác cũng là một nhân tố tích cực tác động tới mức sống hộ gia đình. Nếu diện tích đất nông nghiệp trên đầu người lớn tăng thêm 100 mét vuông thì chi tiêu bình quân sẽ tăng khoảng 1.6%. Điều này hàm ý rằng đất nông nghiệp vẫn có vai trò nhất định trong việc đảm bảo mức sống của hộ gia đình ven đô. Nghiên cứu này cho thấy có mối quan hệ đồng biến có ý nghĩa thống kê giữa tiếp cận vốn tín dụng chính thức và nâng cao mức sống hộ gia đình. Phát hiện này cũng tương tự với kết quả trong một số nghiên cứu trước đó về vai trò của tín dụng với mức sống hộ gia đình ở Việt Nam (Nghiem & cộng sự, 2012; Nguyen, 2008). Việc có thêm giá trị tài sản sản xuất cũng có tác động tích cực tới mức sống hộ gia đình. Giá trị hồi quy của các biến giả xã cho thấy rằng các hộ gia đình với tài sản và đặc điểm cá nhân tương tự sẽ có mức chi tiêu cao hơn ở Song Phương, Kim Chung và Vân Côn so với Lại Yên. Sự khác biệt này hàm ý rằng mức sống hộ gia đình có thể bị ảnh hưởng đáng kể bởi các nhân tố ở cấp độ xã. Sự khác biệt về chất lượng đất canh tác, mức độ phát triển của cơ sở hạ tầng, vị trí địa lý, yếu tố truyền thống văn hóa giữa các xã có thể là nhân tố tác động tới mức sống hộ gia đình giữa các xã.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Mục tiêu của bài viết này là nghiên cứu vai trò của đất đai và việc làm phi nông nghiệp đối với mức sống hộ gia đình vùng ven đô của Hà Nội. Sử dụng bộ dữ liệu khảo sát hộ gia đình vùng ven đô Hà Nội, nghiên cứu này khẳng định tầm quan trọng của cả đất đai và việc làm phi nông nghiệp đối với hoạt động sinh kế hộ gia đình ven đô. Điều này cũng hàm ý rằng các nghiên cứu trước đây sử dụng dữ liệu sẵn có và mẫu khảo sát thường tập trung vào khu vực

nông thôn hay cả nước sẽ có thể không đánh giá đầy đủ vai trò của đất đai và việc làm phi nông nghiệp đối với mức sống hộ gia đình ở vùng ven đô của Việt Nam.

Bằng chứng kinh tế lượng trong nghiên cứu này khẳng định tác động tích cực của việc làm phi nông nghiệp tới mức sống hộ gia đình. Việc tham gia và mức độ tham gia vào bất kỳ một hoạt động phi nông nghiệp nào cũng đều có tác động tích cực tới nâng cao mức sống hộ gia đình. Một vài hàm ý chính sách có thể rút ra ở đây là: trong bối cảnh đất ven đô ngày càng bị thu hẹp thì các hộ gia đình thiếu đất có thể nâng cao thu nhập qua việc tham gia tích cực vào bất kỳ hoạt động kinh tế phi nông nghiệp nào. Đặc biệt là các việc làm thuê ở khu vực phi chính thức vốn sẵn có và không đòi hỏi cao về kỹ năng và trình độ giáo dục, và do vậy là khá phù hợp với lao động dư thừa ở nông thôn và ven đô của Hà Nội (Cling & cộng sự, 2011). Tuy nhiên khả năng tiếp cận các việc làm phi nông nghiệp có lợi tức cao hơn ở khu vực ven đô Hà Nội đòi hỏi các người lao động phải có giáo dục tốt, độ tuổi lao động phù hợp, có nguồn vốn và tài sản sản xuất hay có mặt bằng kinh doanh thuận lợi (Tuyen & Lim, 2013). Việc có được hay khả năng tiếp cận tới các nhân tố này bị ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố thể chế và chính sách. Do vậy, sự can thiệp chính sách giúp hộ gia đình vượt qua các rào cản trên để tiếp cận các cơ hội việc làm phi nông nghiệp có lợi tức cao sẽ giúp cho họ tự nâng cao mức sống.

Nghiên cứu này cho thấy đất đai có vai trò tích cực đối với mức sống của hộ gia đình. Tuy nhiên, trong bối cảnh đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp do quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa ở vùng ven đô, thì sự giảm sút thu nhập từ nông nghiệp của nông hộ là không thể tránh khỏi. Một vài hàm ý chính sách có thể được đề xuất để giúp làm giảm tác động tiêu cực do thu hồi đất nông nghiệp ở các vùng ven đô của Việt Nam. Trước hết, chính sách khuyến nông có thể giúp nông dân gia tăng lợi tức từ nông nghiệp qua việc chuyển đổi sang canh tác các cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Với các hộ bị thu hồi nhiều hoặc bị thu hồi hoàn toàn đất canh tác thì Nhà nước cần có các chính sách đào tạo và chuyển đổi nghề cho nông dân, đặc biệt với các nông dân đã lớn tuổi thì việc cung ứng các chương trình đào tạo nghề phù hợp có thể giúp họ có được các công việc tốt hơn. Sau cùng, nâng cấp hệ thống hạ tầng ở địa phương, gắn với việc xây dựng các chợ ở địa phương được xem là cách làm hiệu quả tạo ra cơ hội việc làm cho người dân không có đất (Bich Ngoc, 2004; Nguyen, 2009). □

Phụ lục 1: Định nghĩa và thống kê mô tả biến số sử dụng trong mô hình

Biến giải thích	Định nghĩa biến	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị cực tiểu	Giá trị cực đại
Tham gia phi nông nghiệp	Có tham gia vào ít nhất một hoạt động phi nông nghiệp hay không?	0.89	0.31	0	1
Phi nông nghiệp tự làm	Tỷ lệ % thời gian lao động cho hoạt động phi nông nghiệp tự làm	0.25	0.35	0	1
Làm công chính thức	Tỷ lệ % thời gian lao động cho hoạt động làm công chính thức	0.18	0.32	0	1
Làm công phi chính thức	Tỷ lệ % thời gian lao động cho hoạt động làm công phi chính thức	0.27	0.36	0	1
Quy mô hộ	Tổng số thành viên trong gia đình	4.50	1.62	1	11
Tỷ lệ phụ thuộc	Tính bằng số thành viên dưới 15 và trên 59 chia cho số thành viên năm trong độ tuổi 15-59	0.60	0.65	0	3
Tuổi chủ hộ	Số tuổi chủ hộ	51.35	12.60	21	96
Giới tính chủ hộ	Giới tính của chủ hộ, 1= Nam; 0= Nữ	0.78	0.41	0	1
Tuổi của lao động	Độ tuổi trung bình của các thành viên tham gia hoạt động kinh tế	40.73	9.12	21.5	78
Giáo dục của lao động	Số năm đi học trung bình của các thành viên tham gia hoạt động kinh tế	8.17	2.95	0	16
Diện tích đất/người lớn	Diện tích đất nông nghiệp/thành viên từ 15 trở lên (100 m ²)	3.01	2.51	0	18.33
Tài sản sản xuất	Logarit giá trị toàn bộ tài sản sản xuất của hộ gia đình	8.57	1.15	4.94	11.25
Tiếp cận tín dụng chính thức	Có vay nguồn vốn nào từ ngân hàng hay các tổ chức tài chính trong 24 tháng kể từ khi khảo sát	0.26	0.43	0	1
Tiếp cận tín dụng phi chính thức	Có vay nguồn vốn nào từ bạn bè, họ hàng, người quen, người cho vay tư nhân trong vòng 24 tháng kể từ thời điểm khảo sát	0.20	0.40	0	1

Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu khảo sát

Ghi chú:

1. 6 xã bao gồm: Song Phương, An Thượng, Kim Chung, Lại Yên, Đức Thượng và Vân Côn.

Tài liệu tham khảo:

Asian Development Bank (2007), ‘Agricultural land conversion for industrial and commercial use: Competing interests of the poor’, In ADB (Ed.), *Markets and Development Bulletin* (pp. 85-93), Hanoi, Vietnam: Asian Development Bank.

Bich Ngoc (2004), ‘Farmers learn to take a new career path’, *Vietnam Investment Review*, truy cập từ <http://business.highbeam.com/436067/article-1G1-121416969/farmers-learn-take-new-career-path-rapid-modernization>

Cling, J. P., Razafindrakoto, M., & Roubaud, F. (2011), *The informal economy in Viet Nam*, International Labour Organisation. Hanoi, Vietnam.

- Do, T. N. (2006), 'Loss of land and farmers' livelihood: A case study in Tho Da village, Kim No commune, Dong Anh district, Hanoi, Vietnam', (MA Thesis), Swedish University of Agricultural Sciences, Uppsala, Sweden.
- Ellis, F. (2000), *Rural livelihoods and diversity in developing countries*, New York, NY: Oxford University Press.
- Nghiem, S., Coelli, T., & Rao, P. (2012), 'Assessing the welfare effects of microfinance in Vietnam: Empirical results from a quasi-experimental survey', *Journal of Development studies*, 48(5), 619-632.
- Nguyen, T. H. H., Nguyen, T. T., & Ho, T. L. T. (2013), 'Effects of Recovery of Agricultural Land to Life, the Jobs of Farmers in Van Lam Distric, Hung Yen Province', *Journal of Science and Development*, 11(1), 59-67.
- Nguyen, V. C. (2008), 'Is a governmental micro-credit program for the poor really pro-poor? Evidence from Vietnam', *The Developing Economies*, 46(2), 151-187.
- Nguyen, V. C. (2010), *The impact of a minimum wage increase on employment, wages and expenditures of low-wage workers in Vietnam*, (MPRA Paper No. 36751).
- Nguyen, V. S. (2009), *Industrialization and urbanization in Vietnam: How appropriation of agricultural land use rights transformed farmers' Livelihoods in a Peri-Urban Hanoi Village?* (EADN working paper No.38).
- Pham, T. H., Bui, A. T., & Dao, L. T. (2010), *Is nonfarm diversification a way out of poverty for rural households? Evidence from Vietnam in 1993-2006*, (PMMA Working Paper 2010-17).
- Phòng Thống kê Huyện Hoài Đức (2010), *Niên giám thống kê Hoài Đức*, Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam.
- Ravallion, M., & Van de Walle, D. (2008), 'Does rising landlessness signal success or failure for Vietnam's agrarian transition?', *Journal of Development Economics*, 87(2), 191-209.
- Tổng Cục Thống kê (2006), *Questionnaire on Household Living Standard Survey 2006 (VHLSS-2006)*, Hanoi, Vietnam: General Statistical Office.
- Tổng Cục Thống kê (2011), *The results of the 2011 rural, agricultural and fishery census*, Hanoi, Vietnam: Statistical Publishing House.
- Tuyen, T. Q., & Lim, S. (2013), 'Farmland and peri-urban livelihoods in Hanoi, Vietnam: Evidence from household survey data in Hanoi's peri-urban areas', *Australian Journal of Basic and Applied Sciences*, 7(7), 580-590.
- Ủy ban Nhân dân Huyện Hoài Đức (2010) *Báo cáo thuyết minh kiểm kê đất đai năm 2010*, Hoài Đức, Hà Nội
- Van de Walle, D., & Cratty, D (2004), 'Is the emerging non-farm market economy the route out of poverty in Vietnam?', *Economics of Transition*, 12(2), 237-274.
- Viện Nghiên cứu và Quản lý Kinh tế Trung Ương (2009), *Characteristics of the Vietnamese rural economy: Evidence from a 2008 Rural Household Survey in 12 provinces of Vietnam*, Statistical Publishing House, Hanoi, Vietnam.
- Vo, N. T. (2006), 'Livelihoods of people living in a peri-urban area of Ho Chi Minh City: A case study: Hung Long commune, Binh Chanh district, Ho Chi Minh City, Vietnam', (Unpublished MA Thesis), Swedish University of Agricultural Sciences, Uppsala, Sweden.
- World Bank (2011), *Recognizing and reducing corruption risks in land management in Vietnam*, Hanoi, Vietnam: The National Political Publishing House.

Land, non-farm employment and household welfare: new evidence from household survey data in Hanoi's peri-urban areas

Abstract:

This paper investigates the relationship between land, non-farm employment and household welfare in Hanoi's peri-urban areas. The findings show that the vast majority of the sample households participate in non-farm. Factors affecting household welfare are examined using multiple regression models and the findings confirm the important role of both land and non-farm employment in improving household welfare. In addition, some other asset-variables such as education, access to credit, farmland and productive assets were found to have positive effects on household welfare. Based on the empirical results, this paper proposes some policy implications that may help households improve their income, given the context of rising land loss due to rapid urbanization and industrialization in peri-urban areas.

Thông tin tác giả:

* **Trần Quang Tuyền**, Tiến sỹ (Kinh tế học)

- Nơi công tác: Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Lĩnh vực nghiên cứu: Sinh kế hộ gia đình, đất đai, đói nghèo, bất bình đẳng, phúc lợi hộ gia đình, việc làm phi nông nghiệp, phát triển nông thôn.

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Applied Economics Letters (ISI)*; *Agris On-line Papers in Economics and Informatic (Scopus)*; *Asian Social Science (Scopus)*, *Tạp chí Thương mại*,...

Email: tuyentq@vnu.edu.vn.